

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 411/BC-NSTP

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2021.

BÁO CÁO
Thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:

+ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

+ Tên tiếng Anh: Quang Ngai Agricultural Products and Foodstuff Joint Stock Company.

+ Tên viết tắt: APFCO

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 24/09/2020.

- Vốn điều lệ: 181.891.460.000,0 đồng (*Một trăm tám mươi một tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*).

- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Điện thoại: (0255) 33827308; 3822529

- Fax: (0255) 3822060

- Email: apfco@apfco.com.vn

- Website: www.apfco.com.vn và www.apfco.vn

- Mã cổ phiếu: APF

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Năm 2004: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy SX tinh bột mì Sơn Hải (hiện nay là nhà máy SX tinh bột mì Quảng Ngãi – cơ sở 2) vào hoạt động.
- Năm 2005: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Đắk Tô – KonTum.
- Năm 2006: Đưa dự án đầu tư Nhà máy SX tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.
- Năm 2008: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Tân Châu - Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.
- Năm 2012: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cồn ĐắkTô vào hoạt động. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn –Lào.
- Năm 2013: Mua lại Nhà máy SX tinh bột sắn An Khê và đưa vào hoạt động.
- Năm 2014: Mua và thành lập công ty con: Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum. Nhận bàn giao hoàn thành đầu tư xây dựng Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn – Lào; Bàn giao lại chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.
- Năm 2015: Thành lập công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Khánh Dương, Đắk Lắk và Công ty TNHH tinh bột sắn Gensun, Đắk Nông.
- Năm 2016: Mua và thành lập Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song, Nhà máy tinh bột sắn Đồng Phú.
- Năm 2017: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên.
- Năm 2019: Góp vốn thành lập Công ty CP tinh bột sắn EaKar.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn	1062 (chính)
2	Trồng cây lấy củ có chất bột (sắn)	0113
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu	2599
6	Lắp đặt thiết bị máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Xây dựng dân dụng	4100
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
10	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620

TT	Tên ngành	Mã ngành
11	Bán buôn thực phẩm	4632
12	Bán buôn đồ uống	4633
13	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19	Bán buôn tổng hợp	4690
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21	Cho thuê kho, bãi	5210
22	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol); - Chế tạo thiết bị cơ khí; - Đầu tư kinh doanh thai thác và quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; - Cho thuê văn phòng làm việc; - Xuất khẩu tín chỉ chứng nhận giảm thiểu phát thải; - Tư vấn công nghệ, đầu tư xây dựng và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải, thu hồi khí Biogas - Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm 	<i>Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

b. Địa bàn kinh doanh:

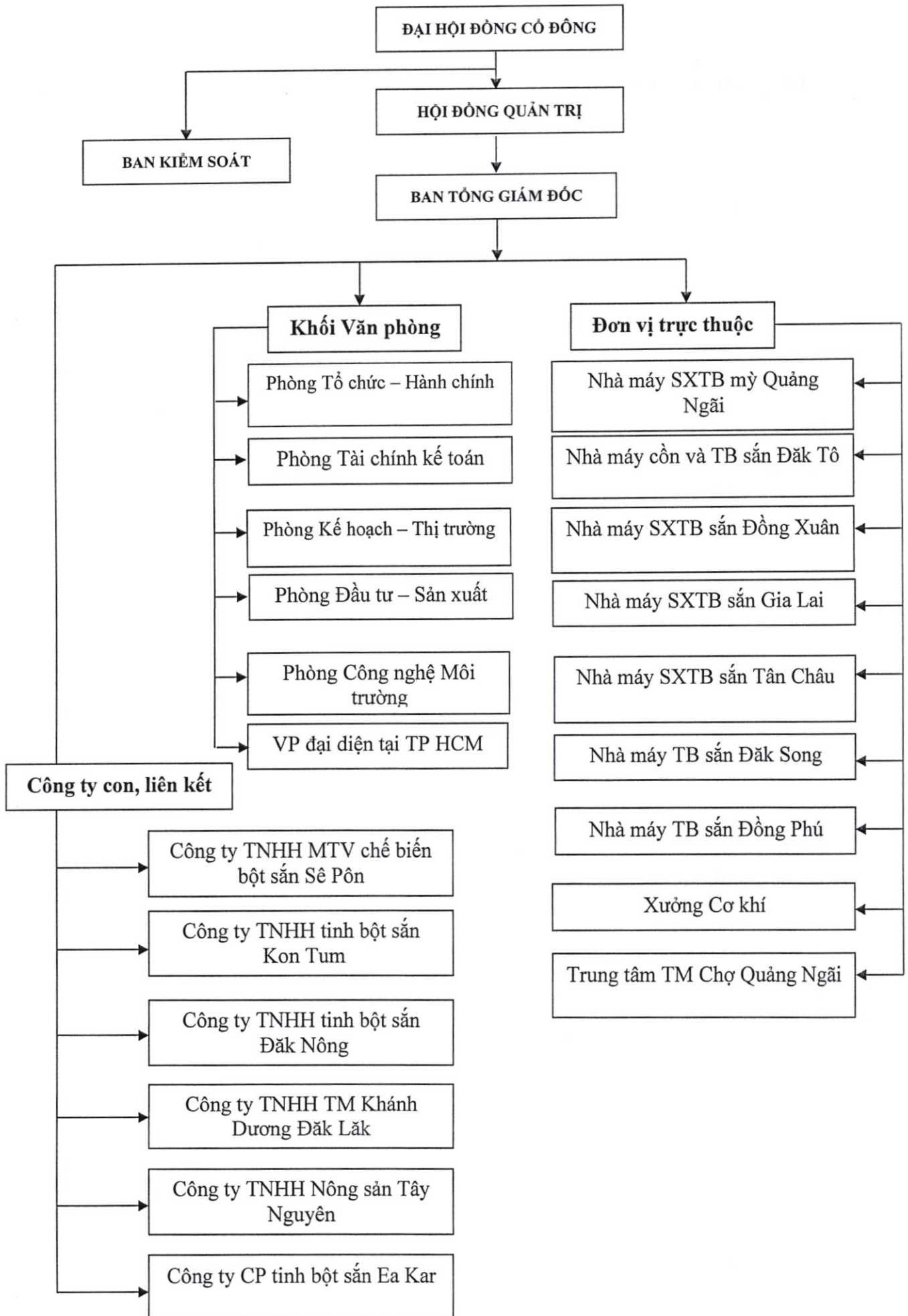
- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- Các nước Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn	Bản Oa-Lay, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhets, nước CHDCND Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum	Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kontum	Chế biến Tinh bột sắn	51%
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đăk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'lấp, Tỉnh Đăk Nông	Chế biến Tinh bột sắn	51%
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đăk Lăk	Thôn 3, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk	Chế biến Tinh bột sắn	70%
5	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên	Thôn 2, Xã Ea kiết, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	20%
6	Công ty CP tinh bột sắn EKAR	Thôn 9, xã Easar, huyện Eakar, tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	51%

4. Định hướng phát triển:

* **Mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận ngày càng tăng, đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, ổn định công việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt chính sách thuế đối với Nhà nước.

* **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm tinh bột sắn, tinh bột biến tính và cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm.

* **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy trong những năm qua Công ty đã triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ tiên tiến để xử lý hết

lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất của các nhà máy đảm bảo nước thải sau khi được xử lý sẽ đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; Đầu tư hệ thống ép sấy bã trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty, đến thời điểm này toàn bộ lượng bã phát sinh trong quá trình sản xuất được sấy khô để cung cấp cho các đơn vị sản xuất thức ăn gia súc.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng để giải quyết công tác môi trường.

- Nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm điện, nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

5. Các rủi ro:

* Thế giới:

- Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tranh chấp Biển Đông.

- Kinh tế thế giới sẽ tiếp tục suy giảm tăng trưởng, gặp nhiều rủi ro. Mỹ sẽ tiếp tục gia tăng chính sách bảo hộ hoặc gây sức ép buộc các nước nhập khẩu nhiều hơn từ Mỹ. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung sẽ tiếp tục phức tạp hơn, việc Trung Quốc cam kết tăng nhập khẩu số lượng lớn hàng hóa lớn từ Mỹ cũng đặt ra nguy cơ Trung Quốc giảm nhập khẩu từ các nước khác, trong đó có Việt Nam.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp, mức độ lây lan nhanh, rộng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, giao thương... trên toàn cầu và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

* Trong nước:

- Chi phí: Điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.

- Thời tiết khô hạn kéo dài, nhất là các tỉnh miền Trung, tình hình dịch bệnh đối với cây sản ảnh hưởng đến diện tích và sản lượng nguyên liệu; cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2020		TH2020/ KH2020
			KH	TH	
I	KINH DOANH				
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	4.000.000	4.932.000	123,3
3	LNST của Công ty mẹ	Tr.đ	70.000	200.155	285,9
3	Thu nhập	trđ/ng/th	8,5	10,25	120,6
II	SẢN XUẤT				
1	Thành phẩm tinh bột	Tấn	420.000	470.731	112,1

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2020		TH2020/ KH2020
			KH	TH	
3	Thành phẩm còn	M3	12.000	13.130	109,4
4	Bã khô	Tấn	74.890	77.976	104,1

1.2 Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Doanh thu và lãi ròng đều đạt cao so với kế hoạch, do một số nguyên nhân chủ yếu:

- Ngành hàng lương thực, thực phẩm ít bị ảnh hưởng bởi covid-19, Việt Nam phòng chống dịch tốt nên sản xuất được liên tục, nhu cầu nội địa ít bị sụt giảm; Trung Quốc khống chế covid-19 tốt nên thị trường sớm khôi phục;

- Công ty đầu tư đổi mới công nghệ, thay đổi thiết bị, tăng cường quản lý sản xuất từ cuối 2018;

- Giá bán cạnh tranh phù hợp thị trường thế giới và ở mức trung bình cao, thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất, nên sản lượng đạt cao, khấu hao nhiều hơn;

- Phương thức bán hàng nhanh, thu tiền nhanh nên bình quân dư nợ vay thấp và lãi suất giảm nên chi phí lãi vay giảm nhiều hơn năm trước;

- Sản xuất còn có hiệu quả hơn, nhờ giá bán còn bình quân cao hơn năm 2019;

- Các công ty con (Khánh Dương, Sepon) hoạt động hiệu quả hơn, nên giảm trích lập dự phòng đầu tư tài chính ở công ty mẹ so với 2019;

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Hội đồng quản trị:

- Ông: Võ Văn Danh Chủ tịch HĐQT
- Ông: Lê Tuấn Toàn Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông: Trần Ngọc Hải Thành viên HĐQT
- Ông: Đồng Văn Lập Thành viên HĐQT
- Ông: Lê Ngoạç Hình Thành viên HĐQT

2.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông: Trần Ngọc Hải Tổng Giám đốc
- Ông: Đồng Văn Lập Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Lê Ngoạç Hình Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Trần Đức Thạch Kế toán trưởng

2.3 Ban Kiểm soát:

- Bà: Bùi Thị Như Hoa Trưởng Ban kiểm soát
- Ông: Phạm Văn Lâm Thành viên
- Ông: Lâm Đức Chính Thành viên

2.4. Danh sách ban điều hành

* Ông: Trần Ngọc Hải

Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973
Địa chỉ thường trú : 180 Trương Quang Trọng, TP QNgãi
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 211925924
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822542
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 311.929 CP, tỷ lệ: 1,71%

* Ông: Đồng Văn Lập

Ngày tháng năm sinh : 26/02/1976
Địa chỉ thường trú : Hẻm 581/26 Quang Trung, TP QNgãi.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
Số CMDN : 211963747
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 109.496 CP, tỷ lệ: 0,60%

* Ông: Lê Ngọc Hình

Ngày tháng năm sinh : 10/8/1977
Địa chỉ thường trú : Đức Thanh, Mộ Đức, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa học
Số CMDN : 212042945
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3722579
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 250.500 CP, tỷ lệ: 1,38%

* Ông: Trần Đức Thạch

Ngày tháng năm sinh : 20/5/1974
Địa chỉ thường trú : Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 212127348
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822529
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 188.909 CP, tỷ lệ: 1,04 %

(Ghi chú: Số cổ phần sở hữu được tính tại thời điểm chốt danh sách 24/03/2021).

2.5. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2020:

- Ông: Võ Văn Danh thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/8/2020 (thực hiện theo khoản 2, điều 12 và khoản 2, điều 37 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017: Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của cùng một công ty đại chúng từ ngày 01/8/2020).

- Ông: Trần Ngọc Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ: Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/8/2020.

- Ông: Lê Ngọc Hình được bổ nhiệm giữ chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 10/8/2020.

2.6. Số lượng cán bộ nhân viên:

Tổng số CBCNV-LĐ tại thời điểm 31/12/2020: 895 người. Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

- Chính sách đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Chính sách lương, thưởng: Hằng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người.

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động: Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Tháng 3/2020, đầu tư nâng công suất Nhà máy tinh bột mỳ Quảng Ngãi (cơ sở 2- Sơn Hà) từ 180 tấn SP/ngày lên 250 tấn SP/ngày, hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 9/2020.

- Tháng 7/2020, đầu tư nâng công suất Nhà máy tinh bột sắn Gia Lai (cơ sở 2 -An Khê) thêm 150 tấn SP/ngày, hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 12/2020.

- Trong năm đã đầu tư bổ sung máy móc thiết bị theo hướng nâng cao hiệu suất, ổn định chất lượng, tiết kiệm điện, tiết kiệm nước như thiết bị tách mù hydrocyclon và các máy mài, máy tách xác có công suất lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
I	Công ty con		
1	Công ty TNHH MTV Chế biến Tinh bột sắn Sê Pôn		
a	Tổng cộng tài sản	121.959.007.945	
	- Tài sản ngắn hạn	46.847.492.466	
	- Tài sản dài hạn	75.111.515.479	
b	Tổng cộng nguồn vốn	121.959.007.945	
	- Nợ phải trả	73.477.167.659	
	- Vốn chủ sở hữu	48.481.840.286	
	+ Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	75.221.705.049	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	102.819.179.306	
	- Lợi nhuận trước thuế	3.773.622.977	
	- Lợi nhuận sau thuế	3.773.622.977	
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kon Tum		
a	Tổng cộng tài sản	152.458.982.001	
	- Tài sản ngắn hạn	79.955.231.197	
	- Tài sản dài hạn	72.503.750.804	
b	Tổng cộng nguồn vốn	152.458.982.001	
	- Nợ phải trả	58.005.378.759	
	- Vốn chủ sở hữu	94.453.603.242	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.848.094.338	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	462.088.898.007	
	- Lợi nhuận trước thuế	29.543.832.544	
	- Lợi nhuận sau thuế	29.543.832.544	
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đắk Nông		
a	Tổng cộng tài sản	50.178.412.321	
	- Tài sản ngắn hạn	29.384.560.333	
	- Tài sản dài hạn	20.793.851.988	
b	Tổng cộng nguồn vốn	50.178.412.321	
	- Nợ phải trả	27.461.532.311	
	- Vốn chủ sở hữu	22.716.880.010	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.577.322.573	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	89.189.080.662	
	- Lợi nhuận trước thuế	2.764.787.201	
	- Lợi nhuận sau thuế	2.764.787.201	
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk		

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
	LẮK		
a	Tổng cộng tài sản	108.139.499.726	
	- Tài sản ngắn hạn	27.732.183.712	
	- Tài sản dài hạn	80.407.316.014	
b	Tổng cộng nguồn vốn	108.139.499.726	
	- Nợ phải trả	65.505.075.397	
	- Vốn chủ sở hữu	42.634.424.329	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	216.506.499.822	
	- Lợi nhuận trước thuế	6.099.290.304	
	- Lợi nhuận sau thuế	6.099.290.304	
5	Công ty CP Tinh bột sắn Eakar		
a	Tổng cộng tài sản	79.304.583.790	
	- Tài sản ngắn hạn	37.797.867.798	
	- Tài sản dài hạn	41.506.715.992	
b	Tổng cộng nguồn vốn	79.304.583.790	
	- Nợ phải trả	37.206.728.711	
	- Vốn chủ sở hữu	42.097.855.079	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	244.551.977.568	
	- Lợi nhuận trước thuế	12.790.787.412	
	- Lợi nhuận sau thuế	12.778.058.213	
II	Công ty liên kết		
1	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên		
a	Tổng cộng tài sản	119.658.752.214	
	- Tài sản ngắn hạn	41.951.706.852	
	- Tài sản dài hạn	77.707.045.362	
b	Tổng cộng nguồn vốn	119.658.752.214	
	- Nợ phải trả	37.491.478.621	
	- Vốn chủ sở hữu	82.167.273.593	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	218.060.112.664	
	- Lợi nhuận trước thuế	17.176.363.219	
	- Lợi nhuận sau thuế	17.176.363.219	

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính: ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.291.945.495.155	2.166.758.403.717	-5,46
Doanh thu thuần	4.602.852.900.407	4.963.112.126.688	7,83
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	90.817.597.948	234.328.037.863	158,02
Lợi nhuận khác/	85.875.163	-3.505.104.049	-4,181,63

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Lợi nhuận trước thuế	90.903.473.111	230.822.933.814	153,92
Lợi nhuận sau thuế	90.702.192.202	230.274.237.740	153,88

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.81	0.88	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0.50	0.50	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.73	0.64	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.70	1.74	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6.97	7.02	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.01	2.29	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.02	0.05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.15	0.29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.04	0.11	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.02	0.05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số CP đang lưu hành tại thời điểm 24/03/2021 là: 18.189.146 CP. Trong đó CP hạn chế chuyển nhượng là: 0 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	2.196.123	12,07%
	Cổ đông nhỏ	15.993.023	87,93%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	164.353	0,90%
	Cổ đông cá nhân	18.024.793	99,10%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	18.189.146	100,00%
	Cổ đông nước ngoài		
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ đông khác	18.189.146	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nhằm tăng vốn lưu động đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm áp lực về vốn vay ngân hàng. Năm 2020 Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức để tăng vốn điều lệ từ: 165.358.870.000,0 đồng lên 181.891.460.000,0 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020:

1.1 Các chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
Vốn điều lệ	Triệu đồng	181.891	181.891	100,00
Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.000.000	4.979.293	124,48
LN sau thuế Công ty mẹ	Triệu đồng	70.000	206.351	294,79
Cổ tức	Đồng/CP	2.500 - 3.000	6.000	

1.2 Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

a) Các chỉ tiêu doanh thu, lãi ròng:

Doanh thu và lãi ròng đều đạt cao so với kế hoạch và cao nhất từ trước đến nay, trong đó doanh thu thực hiện đạt KH (124,48%) chủ yếu do sản xuất và tiêu thụ vượt kế hoạch; lãi ròng đạt 294,79%, nguyên nhân chủ yếu:

- Ngành hàng lương thực, thực phẩm ít bị ảnh hưởng bởi covid-19, Việt Nam phòng chống dịch tốt nên sản xuất được liên tục; nhu cầu thị trường nội địa ít bị sụt giảm; Trung Quốc không chế covid-19 tốt nên thị trường sớm khôi phục;

- Giá bán cạnh tranh phù hợp thị trường thế giới và ở mức trung bình cao, thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất, nên sản lượng đạt cao hơn;

- Phương thức bán hàng nhanh, thu tiền nhanh nên bình quân dư nợ vay thấp và lãi suất giảm nên chi phí lãi vay giảm nhiều hơn năm trước;

- Sản xuất còn có hiệu quả hơn, nhờ giá bán còn cao hơn năm 2019; Các công ty con (Khánh Dương, Sepon) hoạt động hiệu quả hơn, nên giảm trích lập dự phòng đầu tư tài chính ở công ty mẹ so với 2019;

b) Sản xuất tinh bột sắn và cồn thực phẩm:

- Sản lượng tinh bột sắn toàn công ty là 469.713 tấn đạt 111,84% kế hoạch năm và đạt 118,44% so với 2019. Trong đó Công ty sản xuất 327.551 tấn, gồm 281.177 tấn tinh bột và 46.374 tấn biến tính, các Công ty con sản xuất 142.162 tấn tinh bột.

- Sản lượng cồn thực phẩm: 13.000 m³, đạt 108,33% kế hoạch.

c) Dịch vụ thương mại và gia công cơ khí:

- Doanh thu dịch vụ thương mại vượt kế hoạch nhưng thấp hơn nhiều so với năm 2019; Mặt hàng bia giảm sản lượng do dịch bệnh covid 19.

- Chế tạo và sửa chữa thiết bị: Đã thực hiện gia công, chế tạo và sửa chữa thiết bị cho dự án nâng công suất các cơ sở sản xuất Sơn Hà và An Khê, gia công máy mài mới, chế tạo một số máy ly tâm tách nước.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ SS
Tài sản ngắn hạn	1.286.474.080.076	1.134.044.364.360	88,15%
Vốn bằng tiền	117.824.649.930	56.118.571.543	47,63%
Các khoản phải thu	543.484.697.476	452.698.032.616	83,30%
Hàng tồn kho	493.520.121.555	488.649.582.099	99,01%
Tài sản ngắn hạn khác	131.644.611.115	136.578.178.102	103,75%
Tài sản dài hạn	1.005.471.415.079	1.032.714.039.357	102,71%
Các khoản phải thu dài hạn	2.151.604.205	4.051.604.205	188,31%
Tài sản cố định	899.599.673.924	934.209.353.662	103,85%
Tài sản dở dang dài hạn	50.642.767.874	48.089.215.208	94,96%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.854.772.075	16.940.044.719	114,04%
Tài sản dài hạn khác	38.222.597.001	29.423.821.563	76,98%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.291.945.495.155	2.166.758.403.717	94,54%
Nợ phải trả	1.671.908.958.763	1.376.845.571.735	82,35%
Nợ ngắn hạn	1.589.577.169.334	1.286.540.219.758	80,94%
Nợ dài hạn	82.331.789.429	90.305.351.977	109,68%
Vốn chủ sở hữu	620.036.536.392	789.912.831.982	127,40%
Vốn góp của chủ sở hữu	165.358.870.000	81.891.460.000	110,00%
Thặng dư vốn cổ phần	93.084.150.620	93.084.150.620	100,00%
Vốn khác của chủ sở hữu	400.000.000	400.000.000	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	129.812.902	(5.129.600.120)	-3.951,53%
Quỹ đầu tư phát triển	201.087.616.031	207.875.093.160	103,38%
Lợi nhuận chưa phân phối	78.424.255.050	220.959.915.241	281,75%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	81.551.831.789	90.831.813.081	111,38%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	2.291.945.495.155	2.166.758.403.717	94,54%

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả đến 31/12/2020 thấp hơn 31/12/2019 chủ yếu là giảm số dư nợ vay ngân hàng do rút ngắn thời hạn thanh toán trong chính sách bán hàng.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

- Môi trường: Về cơ bản Công tác xử lý môi trường tất cả các đơn vị thực hiện tương đối tốt, các đơn vị được đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo phương

pháp sục khí, tách bùn nước thải đạt chuẩn xả thải trước khi xả ra môi trường, các đơn vị chưa chưa đầu tư theo phương pháp sục khí tách bùn thì chỉ tiêu nước thải chưa ổn định;

- Tiền lương: Trả tiền lương, thưởng, tiền phép... cho người lao động kịp thời, đúng quy chế của Công ty.

- Bảo hiểm: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH, BHYT, BHTN.

- Đời sống tinh thần cho người lao động: Đã tổ chức tham quan du lịch trong và ngoài nước cho CBCNV-LĐ toàn Công ty.

- Công tác VSCN, PCCC, ATLĐ được củng cố và quan tâm, cảnh quan môi trường ngày càng được cải thiện.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2020, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, nhưng với sự đoàn kết, nỗ lực từ HĐQT đến Ban điều hành cùng toàn thể công nhân viên lao động cũng đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong điều kiện cạnh tranh nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm, áp lực về nguồn vốn, tình hình dịch bệnh covid – 19 phức tạp, dịch bệnh khảm lá sắn ở địa bàn Tây Ninh, nam Tây Nguyên, Phú Yên và Quảng Ngãi; Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý công ty đã nỗ lực điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh công ty. Các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng và lãi ròng đều vượt kế hoạch đề ra.

Ban điều hành công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết, quyết định và các định hướng của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2021:

3.1. Về củng cố hệ thống quản lý; tổ chức - nhân sự, sắp xếp đội ngũ quản lý:

- Rà soát lại hệ thống văn bản, định chế, nội quy theo hướng tăng cường trách nhiệm ATVSTP; Bổ sung mô tả công việc các vị trí công tác; tiêu chuẩn, chức năng quyền hạn, nhiệm vụ từng vị trí công tác theo hướng tăng cường trách nhiệm đặc biệt là các vị trí quản lý và các vị trí chủ chốt.

- Rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức đơn vị cơ sở; Tiếp tục sắp xếp, bổ sung cán bộ quản lý cho các đơn vị cơ sở, trước mắt ưu tiên về cán bộ quản lý nắm vững công nghệ vận hành sản xuất.

- Tiếp tục tuyển dụng mới lao động có chuyên ngành liên quan đến hóa - công nghệ để đào tạo, chuẩn bị tăng cường cho hoạt động sản xuất của Công ty.

3.2 Về đầu tư và phát triển:

- Tiếp tục xem xét đầu tư ổn định công suất một số nhà máy theo hướng nâng cao chất lượng và tiết kiệm nước bằng hệ thống thiết bị trực tuyến tách xác – hydrocyclone (Đắk Tô, Gia Lai, Nông sản Tây nguyên, Công ty Kon Tum).

- Nghiên cứu quy hoạch, đầu tư nâng cấp một số nhà máy chuẩn bị cho việc đầu tư mở rộng thêm nhà máy sản xuất tinh bột sản biến tính hóa công suất từ 10.000-12.000 tấn SP/năm (Đăk Tô, Lào, An Khê, Đăk Nông...).

- Xem xét đầu tư nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải hoàn thiện cho một số nhà máy để đảm bảo sản xuất (Tịnh Phong, Đồng Phú).

- Từng bước đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, thiết bị tại các nhà máy theo hướng ATVSTP (HACCP).

3.3 Về thị trường, khách hàng và logistic:

- Về tinh bột biến tính: Khôi phục, tìm kiếm, xây dựng khách hàng, thị trường hướng đến cuối năm khai thác hết công suất từ 6.000-7.000 tấn SP/tháng.

- Về tinh bột thường: Củng cố hệ thống khách hàng hiện có, nhất là các khách hàng thực hiện tốt trong năm 2020 và các khách hàng mới khôi phục, khai thác. Không khuyến khích mở rộng khách hàng bột thường.

- Quan tâm chăm sóc tốt hơn, tạo mối quan hệ chắc chắn với khách hàng để kịp thời phối hợp giải quyết các khó khăn nhằm ổn định đầu ra.

- Hệ thống, tăng cường quản lý dịch vụ logistic.

- Quyết liệt kiểm soát dị vật trong sản phẩm, có biện pháp mạnh về kỷ luật hành chính, thậm chí là có biện pháp chế tài.

3.4 Vốn và quản lý vốn.

- Chủ động vốn cho việc đầu tư phát triển. Mở rộng vốn chủ sở hữu bằng cách tăng vốn điều lệ, tích lũy vốn; tận dụng nguồn vốn vay trung dài hạn cho đầu tư XDCB để tiếp tục khắc phục tình trạng mất cân đối vốn lưu động ròng.

- Các Công ty con, Công ty liên kết nhanh chóng hoàn thành hồ sơ tài sản đảm bảo thế chấp cho ngân hàng để nâng hạn mức tín dụng, chủ động về vốn.

- Tiếp tục tăng vòng quay hàng tồn kho và nợ phải thu khách hàng để giảm chi phí tài chính và đảm bảo cấp vốn kịp thời cho hoạt động SX-KD.

3.5 Về ổn định Công ty Sepon và chuẩn bị dự án ở Salavan:

- Ưu tiên đầu tư phát triển vùng nguyên liệu Sepone và vùng lân cận.

- Sắp xếp, bổ sung nhân sự, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và vận hành sản xuất tại Công ty TNHH MTV Chế biến bột sắn Sê Pôn để sản xuất ổn định công suất 150 tấn SP/ngày.

- Khảo sát, hoàn thiện thủ tục xin cấp phép đầu tư Dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn tại tỉnh Salavan - Lào. Chuẩn bị các điều kiện để tiến hành đầu tư khi các điều kiện cần thiết đã đáp ứng, dự kiến đầu năm 2022.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông: Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	5,74%
2	Ông: Lê Tuấn Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	3,40
3	Ông: Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	1,71
4	Ông: Đồng Văn Lập	Thành viên HĐQT	0,60
5	Ông: Lê Ngọc Hình	Thành viên HĐQT	1,38

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban xây dựng cơ bản (Ban Đầu tư), gồm các thành viên sau:

- + Ông: Trần Ngọc Hải - Thành viên HĐQT – Trưởng Ban
- + Ông: Lê Tuấn Toàn - Thành viên HĐQT
- + Ông: Lê Ngọc Hình - Thành viên HĐQT.
- + Ông: Đồng Văn Lập - Thành viên HĐQT
- + Ông: Trần Đức Thạch - Kế toán trưởng Công ty.
- + Ông: Phạm Văn Lâm - Trưởng Phòng Đầu tư - Sản xuất
- + Ông: Đoàn Thu Sơn - Phó Trưởng Phòng Đầu tư - Sản xuất

- Thư ký:

- + Ông: Lê Ngọc Hình
- + Ông: Tôn Long Thành Nam
- + Bà: Võ Thị Nhi

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 15 phiên họp tại trụ sở chính của Công ty. Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tuân thủ nghị quyết ĐHCĐ 2020, điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. HĐQT đã ban hành 16 nghị quyết và 71 quyết định liên quan đến các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức, quản lý, nhân sự,...

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà: Bùi Thị Như Hoa	Trưởng ban	2,07
2	Ông: Phạm Văn Lâm	Thành viên	0,46

3	Ông: Lâm Đức Chính	Thành viên	0,08
---	--------------------	------------	------

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thực hiện giám sát HĐQT triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020 và Tổng giám đốc triển khai thực hiện các quyết định và kế hoạch hoạt động kinh doanh của HĐQT trong năm 2020.

- Xem xét tính hợp lý, hợp pháp và trình tự thủ tục ban hành các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT, Quyết định của Tổng giám đốc Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật; quy định nội bộ về quản trị Công ty và công bố thông tin của Công ty theo qui định của UBCK Nhà Nước và Điều lệ Công ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và 6 tháng của Công ty.

- Tham gia xét chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán một số dự án đầu tư của Công ty.

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, triển khai thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, phân công nhiệm vụ từng thành viên BKS và thống nhất cách thức hoạt động giám sát trong năm. Cùng với HĐQT xét chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020.

- Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham dự các cuộc họp chuyên môn, trực tiếp trao đổi công việc (hoặc cảnh báo khi cần thiết) với thành viên trong ban Tổng giám đốc, tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp HĐQT Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

Thu nhập của 05 thành viên HĐQT năm 2020 có hai nguồn, là từ thù lao do ĐHCĐ phê duyệt và từ tiền lương kiêm nhiệm công việc chuyên môn, cụ thể như sau:

- Tiền thù lao hàng tháng của HĐQT: từ 7 - 13,5 triệu đồng/người/tháng; thù lao các thành viên tiểu ban XDCEB, Ban Thư ký 3,5 triệu đồng/người/tháng;

- Tiền lương hàng tháng của Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm nhiệm trong Ban Tổng giám đốc, Giám đốc đơn vị từ 30 triệu - 60 triệu đồng/người/tháng.

b) Ban Kiểm soát:

Tiền thù lao của các thành viên BKS trong năm 2020 như sau:

- Trưởng ban kiểm soát là: 14.300.000 đồng/tháng

- Thành viên ban kiểm soát: 4.000.000-5.500.000 đồng/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Bà: Trần Thùy Dương	Con gái Tổng Giám đốc	0	0	4.300	0,02	mua

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm năm 2020 đăng tải tại Website: apfco.com.vn/Thông tin Nhà đầu tư/Báo cáo tài chính 2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố website Cty;
- Lưu: VT,TK.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
Chủ tịch HĐQT**



Võ Văn Danh